

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29- 9 - 2023.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Hiếu H, sinh năm: 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 51/11A, đường 359, phường P, Thành phố T, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Phan Văn H1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2023, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Hồ Hiếu H trình bày: Bà Hồ Hiếu H và ông Phan Văn H1 kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố H. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Bà Hồ Hiếu H và ông Phan Văn H1 có 01 người con chung tên Phan Thị Hiếu T, sinh ngày 11/8/2003 đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Văn H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn H1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H1 không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Phan Văn H1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Hiếu H; Về con chung: Phan Thị Hiếu T, sinh ngày 11/8/2003, đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Hiếu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phan Văn H1 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Bà Hồ Hiếu H và ông Phan Văn H1, đăng ký kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố H, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93 ngày 31/7/2001. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Hiếu H và ông Phan Văn H1 là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông Phan Văn H1 về việc thụ lý

vụ án theo thông báo số 135/TB-TLVA ngày 21/7/2023, nhưng ông H1 vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Hạnh. Nay bà Hgiữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H1. Xét thấy, bà Hvà ông H1 không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Hồ Hiếu H và ông Phan Văn H1 không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Hiếu H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Hồ Hiếu H và ông Phan Văn H1 có 01 người con chung tên Phan Thị Hiếu T, sinh ngày 11/8/2003, đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Hiếu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Hđã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010238 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà Hđã thực hiện xong.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Hiếu H được quyền ly hôn với ông Phan Văn H1.

- Về con chung: Phan Thị Hiếu T, sinh ngày 11/8/2003, đã đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Hồ Hiếu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Hđã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0010238 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà H đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND phường Tr,
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ